

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 04/12/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/HNGĐ-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Thanh N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 184, KV. K, phường P, quận C, TP. Cần Thơ

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: LS. Nguyễn Thanh Cần – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà **Cao Thị Minh T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 184, KV. K, phường P, quận C, TP. Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Đ, đường T, khu vực TM, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Ông Phạm Thanh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn ông Phạm Thanh N trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Cao Thị Minh T tự nguyện xây dựng hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2014 tại UBND phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn .

Quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Phạm Thanh T (nam) sinh ngày 09/11/2014, trước đến nay con ở với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông xác định là ông bà không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên ông không yêu cầu giải quyết .

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn bà Cao Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N kết hôn do mai mối nên không tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do xung đột với gia đình chồng, ông N không làm ra tiền để nuôi sống vợ con, kinh tế phụ thuộc nhà chồng, nhiều lần bà xin chồng đi làm kiếm thu nhập thêm để lo cho con nhưng ông N không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Bà đồng ý đối với yêu cầu xin ly hôn của ông N .

Về con chung ông bà có một con chung như ông N trình bày là đúng. Vào tháng 9/2019 bà quyết định dẫn con lên Đồng Nai xin việc và làm được 4 tháng; đến cuối tháng 01/2020 bà dẫn con về cho thăm cha và chơi với ông bà nội, nhưng ông N và gia đình giữ con lại không cho bà thăm và chăm sóc con. Do vậy khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng .

Bà xác nhận là bà và ông N không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết.

Vụ việc được Tòa án nhân dân quận C hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân quận C tuyên xử như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Thanh N được ly hôn với bà Cao Thị Minh T.*

2. *Về con chung: Ông N và bà T có một con chung là cháu Phạm Thanh T (nam) sinh ngày 09/11/2014. Giao cháu Phạm Thanh T cho bà Cao Thị Minh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không có yêu cầu.*

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông N theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà T khai thống nhất là không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn ông Phạm Thanh N có đơn kháng cáo với nội dung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con với lý do là ông có thu nhập ổn định, có nhà cửa, được cha mẹ cho đất trồng chanh, nuôi ốc; ông đảm bảo được việc học cho con. Trong khi đó bà T ở nhà trọ, phụ việc bán cơm nên thu nhập rất bấp bênh. Hơn nữa con đang ở với ông và đang đi học.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn tự nguyện thỏa thuận giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho nguyên đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

+ Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà T đã thỏa thuận được với nhau về việc giao cháu T cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, ông N phải tạo mọi điều kiện để bà T được thăm nom, chăm sóc con chung. Về phần tài sản thì ông N và bà T khai thống nhất là không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau, sự tự nguyện này không trái quy định và đảm bảo quyền lợi cho cháu T tốt hơn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông N và bà T trình bày thống nhất từ trước đến nay cháu Phạm Thanh T do ông N và bên nội trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T thừa nhận là cháu T được cha nuôi dưỡng rất tốt, đang học ở trường gần nhà, cháu T phát triển bình thường, không có dấu hiệu bị ngược đãi hay thiếu sự quan tâm chăm sóc, do vậy bà đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con cho ông N, vì điều kiện và công việc của bà hiện tại, cũng như chỗ ở của bà hiện nay nếu như trực tiếp nuôi cháu T thì sẽ không tốt cho cháu T bằng ông N. Về phía ông N do trước đây ông không hiểu biết pháp luật nên có gây khó dễ cho bà T khi bà đến thăm con, nay ông đã hiểu và ông đồng ý tạo mọi điều kiện tốt nhất cho bà T khi bà T đến thăm và chăm sóc con chung. Nhận thấy, cháu T từ trước đến nay ở với ông N và gia đình bên nội. Hiện nay cháu đang được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cũng như ổn định về chỗ ở và tâm lý của cháu T,

cũng như sự thỏa thuận của ông N và bà T là không trái quy định và hợp tình, hợp lý nên được chấp nhận.

Xét về phần tài sản chung: Ông N và bà T khai thống nhất là không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận này của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy đề nghị của Luật sư và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với diễn biến phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông N được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 1, 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phạm Thanh N và bà Cao Thị Minh T.

2. Về con chung: Ông N và bà T có một con chung là cháu Phạm Thanh T (nam) sinh ngày 09/11/2014. Giao cháu Phạm Thanh T cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà T khai thống nhất là không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí:

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Thanh N phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 005725 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Thanh N được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006216 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q. C
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.C
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Thị Cẩm Thúy